

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ -ST

Ngày 05 tháng 7 năm 2024

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
và chia tài sản chung”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình và bà Bùi Thị Thu Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án Nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023, về việc “*tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Bích H, sinh năm 1977; (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Châu T, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Đều ở địa chỉ: Số 69, đường Đoàn Thị Điểm, khu hành chính 2, phường Liên Bảo, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 16 tháng 11 năm 2020 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đỗ Thị Bích H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Châu T ngày 19/3/2002 trên cơ sở tự nguyện được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch. Sau khi kết hôn vợ chồng ở tại xã Xuân Lôi một thời gian, đến năm 2003 vợ chồng về ở với bố mẹ chị H ở phường

Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên và đến năm 2009 vợ chồng làm nhà ở riêng. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặt khác anh T có quan hệ với người phụ nữ khác từ năm 2017, thường xuyên qua đêm ở ngoài không về nhà, vợ chồng nhiều lần xô sát với nhau, có lần anh T đánh chị vào mặt chị phải điều trị một thời gian mới khỏi. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Bị đơn anh Nguyễn Châu T tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh T trình bày: Anh xác nhận thời gian kết hôn, quá trình chung sống và thời gian mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H thường xuyên tụ tập bạn bè, bỏ bê và không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Năm 2015 chị H có quan hệ với người đàn ông khác, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Tại biên bản hòa giải anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 01/2/2003 và cháu Nguyễn Trường G, sinh ngày 25/12/2007. Hiện nay cháu D đã thành niên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị H và anh T đều yêu cầu được nuôi được nuôi cháu G nếu ai được nuôi con đều không yêu cầu phía bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị H đang làm cán bộ tại Chi nhánh Điện Lực Tam Dương thu nhập trung bình là 12.000.000đ/ tháng. Anh T là cán bộ tại chi nhánh điện lực thành phố Vĩnh Yên, anh T không cung cấp thu nhập của anh cho Tòa án.

Về tài sản chung: Theo chị H trình bày vợ chồng có tài sản là 113 m² đất và 01 ngôi nhà xây 3 tầng 1 tum trên đất có địa chỉ: Số 69, Đoàn Thị Điểm, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên; 01 kiot tại chợ tổng, mua đầu thầu đến năm 2028 ; 01 xe ô tô Fortuner, biển kiểm soát 88A- 22546, đăng ký xe đứng tên anh Nguyễn Châu T. Khi vợ chồng mua đất bố mẹ chị cho 140.000.000đ, bố mẹ anh T cho 50.000.000đ, vợ chồng vay Ngân hàng Hàng Hải 150.000.000đ

vay năm 2006, vợ chồng cùng trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Đến năm 2009 vợ chồng xây dựng nhà 3 tầng 1 tum trên đất.

Theo anh T vợ chồng có tài sản chung là 01 nhà 3 tầng 1 tum và 01 kiot tại chợ Tổng, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên.

Anh T xác nhận chiếc xe ô tô Fortuner và diện tích 113 m² đất là tài sản riêng của anh, khi mua xe ô tô bố mẹ anh đứng ra mua, em gái anh đứng ra vay tiền của Ngân hàng để mua. Đối với diện tích đất 113 m² mua năm 2006, nguồn tiền mua đất là do vợ chồng vay tiền của Ngân hàng Hàng Hải. Khi vay tiền cho H có ký vào hợp đồng tín dụng, việc trả gốc và trả lãi chủ yếu là do anh trả, chị H có đóng góp nhưng chỉ một phần nhỏ.

Về công nợ: Anh T, chị H đều xác nhận vợ chồng không nợ ai tài sản gì.

Ly hôn chị H đề nghị chia đôi tài sản chung của vợ chồng, chị đề nghị được sử dụng nhà và đất để anh T sở hữu chiếc xe ô tô và 01 kiôt nếu có chênh lệch tài sản chị sẽ thanh toán cho anh T theo nguyên tắc ½ tài sản.

Anh T không đồng ý chia tài sản là nhà và đất và 01 kiot tại chợ Tổng, thành phố Vĩnh Yên mua đấu thầu đến năm 2028, các tài sản này khi nào cháu G đủ 18 tuổi vợ chồng sẽ tặng cho cháu D và cháu G.

Về công sức: Chị H và anh T đều xác nhận vợ chồng có 5 năm ở chung với bố mẹ chị H, trong thời gian này vợ chồng không cùng gia đình tạo lập được tài sản gì. Ly hôn anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 26/7/2023 đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ QH, diện tích: 113m² và tài sản trên đất là 01 nhà 3 tầng, 1 tum; địa chỉ: Số 69 đường Đoàn Thị Điểm, khu hành chính 2, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận QSDĐ mang tên anh Nguyễn Châu T. Kết quả định giá tài sản, Quyền sử dụng đất là 28.000.000đ/m² x 113 m² = 3.164.000.000đ; 01 nhà 3 tầng, 1 tum có giá là 378.000đ/m² x 389m² = 147.042.000đ; 01 kiot số 6, diện tích 7,5 m² thời hạn thuê 25 năm (từ ngày 01/2/2003, giá trị thuê 25 năm là 35000.000đ) đến ngày 29/6/2024, thời hạn thuê còn lại là 4 năm, giá trị thuê 4 năm là 5.600.000đ. Đối với chiếc xe ô tô Fortuner, anh T quản lý, sử dụng, Tòa án đã gửi thông báo cho anh T về việc thẩm định tài sản và định giá chiếc xe ô

tô, tuy nhiên khi Tòa án cùng chính quyền địa phương và Hội đồng định giá đến làm việc thì anh T vắng mặt, anh T không để chiếc xe ô tô trên ở nhà nên Hội đồng định giá không định giá được đối với chiếc xe ô tô.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị Bích H vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 33, 37, 51, 56, 57, 58, 59, 62, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về nghĩa vụ nộp án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Xử: cho chị Đỗ Thị Bích H được ly hôn anh Nguyễn Châu T; về con chung: Giao cháu Nguyễn Trường G, sinh ngày 25/12/2007 cho chị Đỗ Thị Bích H trực tiếp, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung của chị H và anh T gồm: Diện tích 113 m² đất tại thửa số 28, tờ bản đồ QH và tài sản trên đất là 01 nhà 3 tầng 01 tum; địa chỉ: Số 69 Đoàn Thị Điểm, khu hành chính 2, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên; 01 kiot thuê tại chợ Tổng, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên.

Về chiếc xe ô tô fortuneer anh T xác định là tài sản riêng của anh, chị H xác định là tài sản chung của vợ chồng: Chị H đề nghị Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ tại Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Phúc được cung cấp chiếc xe ô tô trên anh T mua tháng 10/2018 mua sau thời kỳ chị H và anh T sống ly thân (năm 2017). Quá trình giải quyết vụ án anh T không hợp tác nên Hội đồng định giá chưa định giá được chiếc xe ô tô trên, ngoài ra chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc mua chiếc xe ô tô trên thời gian nào, mua của ai, nguồn tiền để mua chiếc xe ô tô trên nên chưa có căn cứ để xác định chiếc xe ô tô là tài sản chung của vợ chồng.

Đối với diện tích đất 113 m², trên đất có 1 nhà 3 tầng 1 tum về nhà và đất trên không thể phân chia được cho 2 người cùng sở hữu, sử dụng mà chỉ có thể phân chia cho một trong 2 người sở hữu, sử dụng. Hiện nay chị H yêu cầu được nuôi cháu G và cháu G cũng có nguyện vọng ở với chị H. Do đó cần giao nhà và đất trên cho chị H quản lý, sử dụng để chị nuôi con, giao cho anh T 01 kiot tại chợ Tổng, chị H phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh T theo nguyên tắc ½ giá trị tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con và chia tài sản chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập phiên tòa nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt, nhiều lần làm đơn xin hoãn phiên tòa. Xét thấy lý do hoãn phiên tòa của bị đơn là để giải quyết công việc gia đình và không đồng ý xét xử vì ảnh hưởng đến tâm lý học tập của các cháu không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Bích H và anh Nguyễn Châu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặt khác giữa chị H và anh T đều nghi ngờ nhau về việc có quan hệ không đúng mực với người khác dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Tại biên bản hòa giải ngày 30/6/2023 anh T và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh T đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã căng thẳng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T

[3.1] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 01/2/2003 và cháu Nguyễn Trường G, sinh ngày 25/12/2007. Hiện nay cháu D đã thành niên cháu ở với ai là do cháu quyết định. Ly hôn chị H và anh T đều yêu cầu được nuôi cháu G và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu được nuôi con và chăm sóc con chung của chị H và anh T thấy rằng anh chị đều có công việc ổn định, có thu nhập đảm bảo việc nuôi con. Tòa án đã lấy lời khai của cháu G nguyện vọng của cháu khi bố mẹ ly hôn xin được ở với mẹ. Do đó cần giao cháu G cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.2] Về tài sản chung:

Chị H trình bày tài sản chung của vợ chồng gồm: 113 m² đất tại số 69 Đoàn Thị Điểm, khu hành chính 2, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên và 01 ngôi nhà 3 tầng 1 tum xây dựng trên đất, 01 kiot thuê tại chợ Tổng, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên thuê đến năm 2028; 01 xe ô tô Fortuner 07 chỗ hiện anh T đang quản lý, sử dụng. Chị H yêu cầu chia tài sản và xin sở hữu, sử dụng nhà và đất để anh T sở hữu 01 xe ô tô và 01 kiot tại chợ Tổng, nếu có chênh lệch tài sản sẽ thanh toán theo nguyên tắc 1/2 giá trị tài sản.

Tại biên bản hòa giải anh T trình bày tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 nhà 3 tầng một tum, 01 kiot tại chợ Tổng, còn chiếc xe ô tô và 113 m² đất tại địa chỉ số 69 Đoàn Thị Điểm, khu hành chính 2, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên là tài sản riêng của anh không phải là tài sản chung của vợ chồng. Anh T không đồng ý chia tài sản là nhà và 01 kiot, đối với các tài sản này khi nào cháu G đủ 18 tuổi vợ chồng sẽ tặng cho cháu D và cháu G.

Xét lời trình bày của anh T và chị H thấy rằng: Anh T và chị H đều xác nhận năm 2006 vợ chồng mua 113 m² đất tại địa chỉ: Số 69 Đoàn Thị Điểm, khu hành chính 2, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, khi mua đất vợ chồng có vay tiền của Ngân hàng Hàng Hải và vợ chồng cùng trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Do đó tài sản trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân và vợ

chồng cùng trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với 113 m² đất là tài sản riêng của anh.

Đối với chiếc xe ô tô Fortuner, biển kiểm soát 88A- 22546 anh T xác định là tài sản riêng của anh, chị H xác định là tài sản chung của vợ chồng, hiện nay anh T là người quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô. Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ tại Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Phúc được cung cấp: Chiếc xe ô tô trên anh T mua tháng 9/2018 mua sau thời kỳ chị H và anh T sống ly thân (năm 2017). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo cho anh T về việc thẩm định tài sản và định giá chiếc xe ô tô, tuy nhiên khi Tòa án cùng chính quyền địa phương và Hội đồng định giá đến làm việc thì anh T vắng mặt và không để chiếc xe ô tô trên ở nhà nên Hội đồng định giá không định giá được đối với chiếc xe ô tô. Chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, chứng minh về thời gian mua chiếc xe ô tô, số tiền mua xe ô tô, nguồn tiền để mua chiếc xe ô tô. Do đó chưa có căn cứ để xác định chiếc xe ô tô trên là tài sản chung của chị H và anh T. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án được triệt để, yêu cầu chia chiếc xe ô tô trên của chị H không được xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau này chị H cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chiếc xe ô tô trên là tài sản chung của vợ chồng thì chị H có quyền khởi kiện chia tài sản là chiếc xe ô tô trên bằng một vụ án khác.

Vì vậy tài sản chung của chị Đỗ Thị Bích H và anh Nguyễn Châu T gồm có: Diện tích 113 m² đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ QH và tài sản trên đất là 01 nhà 3 tầng một tum có địa chỉ tại: Số 69, đường Đoàn Thị Điểm, khu hành chính 2, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; 01 kiot thuê tại chợ Tổng, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên có trị giá thuê đến năm 2028.

Xét yêu cầu chia tài sản của chị H thấy rằng: Đối với nhà và đất trên chỉ có thể giao được cho một trong hai bên sở hữu, sử dụng không thể phân chia cho cả hai người cùng sở hữu, sử dụng được. Khi vợ chồng ly hôn cháu G xin được ở với chị H nên chị H cần có chỗ ở ổn định để nuôi con. Mặt khác chị H là phụ nữ việc tạo lập tài sản sẽ gặp khó khăn hơn so với anh T. Vì vậy cần giao cho chị H sở hữu, sử dụng tài sản là diện tích đất 113 m² có trị giá theo định giá là 3.164.000.000đ và 01 nhà 3 tầng một tum có diện tích sử dụng là 389 m² có trị

giá là 147.042.000đ, tổng trị giá tài sản giao cho chị H có trị giá là 3.311.042.000đ. Về 01 kiot ở chợ Tổng, phường Liên Bảo có giá trị thuê đến năm 2028, đến tháng 6/2024 giá trị thuê còn lại 4 năm là 5.600.000đ, nên cần giao kiot trên cho anh T quản lý, sử dụng. Tổng trị giá các tài sản của chị H, anh T là $(3.311.042.000đ + 5.600.000đ) = 3.316.642.000đ : 2 = 1.658.321.000đ$. Chị H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho anh T là $(1.658.321.000đ - 5.600.000đ) = 1.652.721.000đ$

Về công nợ: Chị H và anh T đều xác nhận vợ chồng không nợ ai tài sản gì.

Về công sức: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản; anh T phải chịu án phí chia tài sản theo quy định. Đối với yêu cầu chia tài sản là chiếc xe ô tô của chị H không được Tòa án chấp nhận, tuy nhiên do không định giá được chiếc xe ô tô nên không tính được án phí đối với yêu cầu này.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, khoản 2, 3, 5 Điều 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Cho chị Đỗ Thị Bích H được ly hôn anh Nguyễn Châu T

1.1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trường G, sinh ngày 25/12/2007 cho chị Đỗ Thị Bích H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Châu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1. 2. Về tài sản: Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Đỗ Thị Bích H:

- Giao cho chị Đỗ Thị Bích H sở hữu, sử dụng: Diện tích 113 m² đất tại thửa số 28, tờ bản đồ QH và tài sản trên đất là 01 nhà 3 tầng một tum có các chiều cạnh như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/6/2023 (có sơ đồ kèm theo); địa chỉ: Số 69 Đoàn Thị Điểm, khu hành chính 2, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên có tổng trị giá là 3.311.042.000đ (Ba tỷ ba trăm mười một triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

- Giao cho anh T quản lý, sử dụng 01 kiot thuê tại chợ Tổng, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên có trị giá thuê đến năm 2028, đến tháng 6/2024 giá trị thuê còn lại là 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Chị Đỗ Thị Bích H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Châu T số tiền là 1.652.721.000đ (Một tỷ sáu trăm năm mươi hai triệu bảy trăm hai mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/ năm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

1.3. Về chi phí tố tụng : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 61.749.630đ án phí chia tài sản, tổng cộng là 62.049.630đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 21.300.000đ theo

biên lai thu tiền số: 0004823 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, chị H còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 40.749.630đ, làm tròn 40.749.000đ (Bốn mươi triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Anh Nguyễn Châu T phải chịu án phí chia tài sản là 61.749.630đ, làm tròn 61.749.000đ (Sáu mươi một triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

2. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự ;
- UBND Xuân Lôi (ĐKKH năm 2002);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đường